

THỐNG KÊ DANH MỤC GIÁO TRÌNH NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): NHẬP MÔN NGÀNH SƯ PHẠM (tiếng Anh): Introduction to Pedagogy
- Mã số học phần: PED20002
[1] Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Tăng Đức, Thái Thị Hồng Lam, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Lê Thị Như Thơ, Nguyễn Thị Quỳnh Anh, 2021. <i>Bài giảng Nhập môn ngành Sư phạm (lưu hành nội bộ)</i> . Trường Đại học Vinh Không có
6.2. Tài liệu tham khảo:
[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. <i>Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể</i> . Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không có
[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. <i>Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học</i> Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không có
[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. <i>Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông</i> . Ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. ET.000271 – 80, TLS
[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. <i>Điều lệ trường tiểu học</i> . Ban hành theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không có
[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. <i>Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học</i> . Ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không có
[7] Chính phủ, 2016. <i>Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân</i> . Ban hành theo Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân. Không có
[8] Chính phủ, 2016. <i>Khung trình độ quốc gia Việt Nam</i> . Ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Không có
[9]. <i>Luật Giáo dục 2019</i> . Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Quốc hội. XH.019193, XH.031330
[10] Trường Đại học Vinh, 2021. <i>Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Sư phạm Tin học theo CDIO</i> . Ban hành theo Quyết định số Ngày tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Không có
2. Tên học phần (tiếng Việt): Đại số tuyến tính (tiếng Anh): Linear Algebra
- Mã số học phần: MAT20001

7.1. Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thành Quang, Lê Quốc Hán, *Đại số tuyến tính*, Sách được xuất bản trong khuôn khổ Dự án PTGV THPT&TCCN, 2013. **Không có**

7.2. Tài liệu tham khảo khác:

[2]. Lê Tuấn Hoa, *Đại số tuyến tính qua các ví dụ và bài tập*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2005. **Không có**

[3]. Nguyễn Hữu Việt Hưng, *Đại số tuyến tính*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000. **TH.002525 - 36**

[4]. Ngô Việt Trung, *Giáo trình Đại số tuyến tính*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2002. **GT.037901 - 07**

3. Tên học phần (tiếng Việt): Giải tích I (tiếng Anh): Analysis I

- Mã số học phần: MAT20003

Giáo trình: (Tối đa 2 tài liệu)

[1]. Đinh Huy Hoàng và nhiều tác giả, *Giáo trình Giải tích I*, Nhà xuất bản Trường Đại học Vinh, 2017. **GT.026826 – 35, TLS**

[2]. Trần Văn Ân. Tạ Quang Hải, Đinh Huy Hoàng, *Toán cao cấp tập 3, Giải tích hàm nhiều biến*, NXBGD 1998. **Không có**

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán cao cấp, tập 2: Giải tích hàm một biến*, NXBGD, 2008 **TLS**

[2]. Trần Văn Ân và nhiều tác giả, *Bài tập Toán cao cấp T₃*, Giải tích phần hàm nhiều biến, NXBGD 2000. **Không có**

4. Tên học phần (tiếng Việt): Lập trình máy tính (tiếng Anh): Computer programming

- Mã số học phần: INF20002

7.1. Giáo trình:

[1] Trần Thị Kim Oanh, Cao Thanh Sơn, *Giáo trình Ngôn ngữ lập trình C*, Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2015. **GT.022985 – 99, TLS**

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Văn Át (chủ biên), *Kỹ thuật lập trình C cơ sở và nâng cao*, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, 2018. **TLS**

[3] Paul Deitel, Harvey Deitel, *C How to program*, 8th Edition, Pearson, 2016, liên kết: https://faculty.ksu.edu.sa/sites/default/files/c_how_to_program_with_an_introduction_to_c_global_edition_8th_edition.pdf

5. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác – Lênin (tiếng Anh): Marxist - Leninist Philosophy - Mã số học phần: POL11001 6.1. Giáo trình: Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình triết học Mác - Lênin</i>, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. GT.043417 – 27, TLS 6.2. Tài liệu tham khảo: Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình triết học Mác - Lênin</i>, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006. TLS
6. Tên học phần (tiếng Việt): Kiến trúc và Bảo trì máy tính (tiếng Anh): Computer Architecture & Maintenance - Mã số học phần: INF31001 6.1. Giáo trình: [1] Nguyễn Đình Việt, Kiến trúc máy tính, Nhà xuất bản Giáo dục, 2005 TIN.003180 - 90 [2] Vsic Education Corp, Bảo trì và khắc phục sự cố phần cứng máy tính, NXB Thống kê, 2008 Không có 6.2. Tài liệu tham khảo: [3] Nguyễn Quang Ninh, <i>Kiến trúc máy tính</i> (lưu hành nội bộ), Trường Đại học Vinh, 2000. Không có [4] Giáo trình bảo trì và cài đặt máy tính (bản mềm), TT TTTV Nguyễn Thúc Hào. TLS
7. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác – Lênin (tiếng Anh): Political economics of Marxism and Leninism - Mã số học phần: POL11002 6.1. Giáo trình: [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021 GT.043348 – 77, TLS 6.2. Tài liệu tham khảo: [2] PGS.TS Phạm Quang Phan, PGS.TS Vũ Anh Tuấn, TS Tô Đức Hạnh (Đồng chủ biên) <i>Hướng dẫn học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i>, NXB Thống kê, 2005. Không có [3] PGS.TS An Như Hải (Chủ biên), <i>110 câu hỏi và bài tập Kinh tế chính trị Mác- Lênin</i>, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2014. Không có
8. Tên học phần (tiếng Việt): Lập trình hướng đối tượng (tiếng Anh): Object – Oriented Programming - Mã số học phần: INF30064 6.1. Giáo trình: [1]. Phạm Văn Ất (chủ biên), <i>Giáo trình C++ và lập trình hướng đối tượng</i>, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, 2018. GT.013034 – 43, TLS (năm 2009) [2]. Paul Deitel, Harvey Deitel, <i>C++ How to program</i>, 10th Edition, Pearson, 2017. VE.001152 (năm 1997)

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Trần Thị Kim Oanh, Cao Thanh Sơn, *Giáo trình Ngôn ngữ lập trình C*, Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2015. **GT.022985 – 99, TLS**

9. Tên học phần (tiếng Việt): TÂM LÝ HỌC
(tiếng Anh): PSYCHOLOGY

- Mã số học phần: EDU 20003

6.1. Giáo trình

- [1] Phan Quốc Lâm (chủ biên) *Giáo trình Tâm lý học* (NXB Đại học Vinh, 2018) **GT.029975 – 84, TLS (năm 2019)**

Tài liệu tham khảo:

- [2] Lê Văn Hồng, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001. **XH.003591 – 95 (năm 1995)**
[3] Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. **XH.030638 – 43, TLS (năm 1995)**

10. Tên học phần (tiếng Việt): TIẾNG ANH 1
(tiếng Anh): ENGLISH 1

- Mã số học phần: E0001

Giáo trình:

- [1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School. **NN.000486 – 95 (năm 2019); NN.000476 - 85 (2017)**

Tài liệu tham khảo

- [1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary*. Asia ELT/School.
[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School. **NN.000446 – 55 (năm 2019); NN.000436 – 45 (năm 2017)**

11. Tên học phần: Xác suất và thống kê
(tiếng Anh): Probability and Statistics

- Mã số học phần: MAT20009

- [1] Nguyễn Văn Quảng, *Giáo trình xác suất*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008. **GT.001969 – 2000, TLS (Năm 2017)**

- [2] Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Tái bản lần thứ 3, 2015. **GT.047590 – 95, TLS**

Tài liệu tham khảo:

- [3] Nguyen Van Tuan, *Analyze data and charts with R (in Vietnamese)*, https://cran.r-project.org/doc/contrib/Intro_to_R_Vietnamese.pdf
[4] Sheldon Ross, *A first course in probability*, Prentice Hall, 2009. **NN.000721 (năm 2020)**

12. Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học (tiếng Anh): Scientific Socialism
- Mã số học phần: POL11003
Giáo trình [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. GT.043090 – 127, TLS Tài liệu tham khảo [2] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (2016), <i>Hỏi – đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Nxb Chính trị quốc gia. Không có [3] Hoàng Chí Bảo, Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan (2021), <i>Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Nxb. Đại học Sư phạm. Không có
13. Tên học phần (tiếng Việt): Cơ sở dữ liệu (tiếng Anh): Fundamentals of Database Systems
- Mã số học phần: INF30006
Giáo trình: [1] Andy Oppenl, <i>Nhập môn cơ sở dữ liệu</i> , Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội, 2015 Không có [2] R. Elmasri and S. Navathe, <i>Fundamentals of Database Systems</i> , 7th edition, Addison-wesley, 2015 NN.000741 (năm 2016) Tài liệu tham khảo: [3] Thomas Nield, <i>Getting Started with SQL: A Hands-On Approach for Beginners</i> , O Reilly Media, 2016 Không có [4] Abraham Silberschatz, Henry F. Korth, S. Sudarshan, <i>Database System Concepts</i> , McGraw-Hill, 6th edition, 2015 MN.020572 (năm 2011)
14. Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục học (tiếng Anh): Pedagogy
- Mã số học phần: EDU21006
6.1. Giáo trình: [1]. Phạm Minh Hùng, Nguyễn Thị Hương, Thái Văn Thành, <i>Giáo dục học</i> , NXB Đại học Vinh, 2016 GT.023810 – 20, TLS 6.2. Tài liệu tham khảo [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Không có

- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, **Thông tư** ban hành các quy định về **đánh giá học sinh Không có**
- [3]. Trịnh Trúc Lâm - Nguyễn Văn Hộ (2007), *Ứng xử sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội **GD.000587 – 96, TLS (năm 2005)**
- [4]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2011), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường phổ thông*, NXB Đại học quốc gia Hà nội **Không có**
- [5]. Hà Nhật Thăng (2005), *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục 2005. **GD.000549 – 56, TLS (năm 2001)**
- [6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam , *Luật giáo dục 2019*, NXB Lao động **XH.019193; XH.031330**
- [7]. Bộ GD&ĐT (2020), *Công văn 5512/bgdđt-gdtrh (2020)*, về tổ chức thực hiện kế hoạch GD trong trường học. Hà Nội **Không có**

15. Tên học phần (tiếng Việt): TIẾNG ANH 2
(tiếng Anh): ENGLISH 2

- Mã số học phần: ENG0001

Giáo trình:

- [1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School. **NN.000486 – 95 (năm 2019); NN.000476 - 85 (2017)**

Tài liệu tham khảo

- [1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary* . Asia ELT/School.
 [2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School.
NN.000446 – 55 (năm 2019); NN.000436 – 45 (năm 2017)

16. Tên học phần (tiếng Việt): Ứng dụng ICT trong giáo dục
(tiếng Anh): Applications of ICT in Education

- Mã số học phần: INF20005

6.1. Giáo trình:

- [1]. Trần Xuân Sang, Nguyễn Thị Uyên, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Hiếu, *Tin học ứng dụng*, NXB Đại học Vinh, 2019. **GT.031272 – 82, TLS**
 [2]. Lê Văn Minh, *Các ứng dụng cơ bản của MS-OFFICE*, NXB Đại học Vinh, 2016. **GT.047127 – 31**
 [3]. Trần Thị Kim Oanh, Nguyễn Bùi Hậu, *Giáo trình ứng dụng ICT trong giáo dục*, 2024, NXB Đại học Vinh, **TLS**

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Microsoft Vietnam, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2019*. **TLS (Word 2010)**
 [4]. Microsoft Vietnam, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng PowerPoint 2019*.
TLS (PowerPoint 2010)
 [5]. Microsoft, *Hệ điều hành Windows 7*. **Không có**
 [6]. Microsoft, *Office 2019*. **Không có**

- [7]. Colin Latchem, Using ICTs and Blended Learning in Transforming TVET, UNESCO and COMMONWEALTH OF LEARNING, 2017. **Không có**
- [8]. Ciprian Adrian Rusen, *Internet and Computing Core Certification Computing Fundamentals Study Guide*, Sybex, 2015. **Không có**
- [9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu bồi dưỡng Mô đun 9 “Ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông”. **Không có**
- [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020*. **Không có**

17. Tên học phần (tiếng Việt): Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
(tiếng Anh): Data Structures and Algorithms

- Mã số học phần: INF21105

Giáo trình:

[1]. Trần Thông Quế, *Cấu trúc dữ liệu và thuật toán (Phân tích và cài đặt trên C/C++)*, Tập 1, 2, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội 2017. **Tập 1: TIN.002731 – 41, TLS;**

Tập 2: TIN.002744 – 50, TLS

Tài liệu tham khảo:

[2]. Đỗ Xuân Lôi, *Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, NXB ĐH QG Hà Nội, 2009. **TLS Năm 2006**

[3]. Adam Drozdek, *Data Structures and Algorithms in C++*, USA, 2014. **Không có**

[4]. Narasimha Karumanchi, *Data Structures and Algorithms Made Easy*, Japan, 2017. **Không có**

18. Tên môn học (tiếng Việt): Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu
(tiếng Anh): Database Management Systems

- Mã số môn học: INF30007

6.1. Giáo trình:

[1] Robin Dewson, *Beginning SQL Server for Developers*, Apress, 2014. **NN.000739**

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Bryan Syverson, Joel Murach, Dịch Trường Đại học FPT, SQL Server 2008 nâng cao, Hướng dẫn học qua ví dụ, NXB Bách khoa Hà Nội. 2015. **TIN.000001 – 02 (năm 2018)**

[3] Phạm Hữu Khang, Phương Lan, *Microsoft SQL Server 2008 - Quản Trị Cơ Sở Dữ Liệu*, NXB Lao Động - Xã Hội, 2009. **Không có**

19. Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
(tiếng Anh): The history of the Communist Party of Vietnam.

- Mã số học phần: POL11004

6.1. Giáo trình:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, HN, 2020. **GT.043308 – 27, TLS (năm 2021)**

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ, Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 2. NXB Giáo dục 2001. **XH.007868 – 72 (năm 2001); XH.036677 – 86 (năm 2022)**

[3]. Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương Lịch sử Việt Nam -Tập 3. NXB Giáo dục 2001. **XH.036687 – 96 (năm 2022), TLS (năm 2001)**

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Một số chuyên đề về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, HN 2008. **Không có**

**20. Tên học phần (tiếng Việt): Mạng máy tính
(tiếng Anh): Computer Networks**

- Mã số học phần: INF30015

Giáo trình:

[1]. Hồ Đắc Phương, *Giáo trình nhập môn mạng máy tính*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009. **GT.023169 – 73 (năm 2014)**

Tài liệu tham khảo:

[2]. James F. Kurose, Keith W. Ross, *Computer Networking: A Top-Down Approach*, Seventh Edition, Pearson, 2017. **NN.000747**

**21. Tên học phần (tiếng Việt): Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
(tiếng Anh): Information Systems Analysis and Design**

- Mã số học phần: INF21113

6.1. Giáo trình:

[1] Đoàn Văn Ban, Nguyễn Thị Tĩnh, *Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML*, NXB Đại học sư phạm, 2011 **GT.022734 - 38**

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, David Tegarden, *Systems Analysis and Design: An Object-Oriented Approach with UML*, John Wiley & Sons, 5th Edition, 2015. **MN.020620 – 29 (năm 2010)**

[3] Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, Roberta M. Roth, *Systems Analysis and Design*, 6th, John Wiley & Sons, 2014. **MN.020551 (năm 2010)**

[4] Raul Sidnei Wazlawick, *Object-Oriented Analysis and Design for Information Systems: Modeling with UML, OCL, and IFML*, Elsevier, 1st Edition, 2014. **Không có**

[5] Scott Tilley, Harry J. Rosenblatt, *Systems Analysis and Design*, Shelly Cashman Series, 11th Edition, 2016. **Không có**

- [6] Rational Unified Process, *Best Practices for Software Development Teams*, Rational Software, 1998. **Không có**
- [7] Nguyễn Văn Ba, *Phát triển hệ thống hướng đối tượng với UML 2.0 và C++*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2008 **TLS**

21. Tên môn học (tiếng Việt): Lập trình .NET
(tiếng Anh): .NET Programming

- Mã số học phần: INF30047

Tài liệu chính:

- [1] Hoàng Hữu Việt, *Lập trình C# cho ứng dụng cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Vinh, 2015. **GT.022381 – 88, TLS**

Tài liệu tham khảo:

- [2] Paul Deitel and Harvey Deitel, *C# How to Program*, Prentice Hall, 5th Edition, 2013. **Không có**

22. Tên học phần (tiếng Việt): Lý luận và phương pháp dạy học Tin học
(tiếng Anh): Theory and methods of teaching Informatics

- Mã số học phần: INF20005

6.1. Giáo trình:

- [1] Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường, *Lý luận dạy học hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2018. **Không có**
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học (2018)*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018. **Không có**

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo - Chương trình ETEP, Tài liệu Mô đun 2: *Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Tin học*. **Không có**
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo - Chương trình ETEP, Tài liệu Mô đun 4: *Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Tin học*. **Không có**
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới - những vấn đề chung (2018)*. **Không có**
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới - các môn học và hoạt động giáo dục (2018)*. **Không có**
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020*.
- [6] *Sách giáo khoa, Sách chuyên đề Tin học 10*. **Không có**

23. Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển chương trình môn Tin học
(tiếng Anh): Developing curriculum for informatics subject

- Mã học phần: INF30018
6.1. Tài liệu chính [1] Trần Hữu Hoan, <i>Phát triển chương trình giáo dục</i> , Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội, 2012 Không có
6.2. Tài liệu tham khảo [2] Bộ giáo dục và Đào tạo, <i>Chương trình phổ thông tổng thể ban hành năm 2018</i> Không có [3] Bộ giáo dục và Đào tạo, <i>Chương trình phổ thông môn Tin học ban hành năm 2018</i> Không có

24. Tên Học phần (tiếng Việt): Đồ họa máy tính (tiếng Anh): Computer graphics
- Mã số môn học: INF30022
Tài liệu chính [1] Edward Angel, "Interactive Computer Graphics: A top-down approach with OpenGL", Addison Wesley, 2012 Không có
Tài liệu tham khảo [2] Francis S. Hill, Jr, <i>Computer Graphics</i> , Macmillan Publishing Company, 1990. Không có [3] Foley, van Dam, Feiner, Hughes, <i>Computer Graphics principles and practice</i> , Addison-Wesley Publishing Company, 1996. Không có [4] Lê Tấn Hùng, Huỳnh Quyết Thắng, <i>Kỹ thuật đồ họa</i> , Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2004 GT.047157 – 67 (năm 2002)

25. Tên học phần (tiếng Việt): Internet vạn vật (tiếng Anh): Internet of Things
- Mã số học phần: INF20021
[1]. Nguyễn Tất Bảo Thiện, Phạm Quang Huy, <i>Lập trình IOT với Arduino ESP 8266 & XBEE</i> , Nhà xuất bản Thanh niên, 2018. KC.001260 - 69
Tài liệu tham khảo: [2]. Website http://iotmaker.vn . [3]. Website http://arduino.vn

[4]. Website <http://iotvvn.com>

26. Tên học phần (tiếng Việt): LÝ THUYẾT TỐI ƯU

(tiếng Anh): **Mathematical Optimization**

- Mã số học phần: INF30052

Giáo trình:

[1] Nguyễn Nhật Lệ, *Các bài toán cơ bản của tối ưu hóa và điều khiển tối ưu*, NXB KHKT, 2009

TLS

Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Đức Nghĩa, *Tối ưu hóa*, NXB Giáo dục, Hà Nội 2003 **GT.040035 – 44 (năm 1996)**

[3] Phạm Trí Cao, *Tối ưu hóa ứng dụng*, NXB Thống kê TP HCM, 2009 **Không có**

[4] Bùi Minh Trí-Bùi Thế Tâm, *Giáo trình Tối ưu hoá*, NXB GTVT, Hà nội, 2003 **Không có**

- Tên học phần (tiếng Việt): **XỬ LÝ ẢNH**

(tiếng Anh): **Digital Image Processing**

- Mã số học phần: TI20060

Giáo trình:

[1] Phạm Quang Hiền, Văn Thị Tư, *Photoshop CS6 chuyên đề chỉnh sửa ảnh*, Nxb Từ điển Bách khoa, 2013 **TIN.002763 - 68**

Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Đăng Bình, *Giáo trình xử lý ảnh số*, Đại học Khoa học Huế, 2011.

Thư viện có: Giáo trình xử lý ảnh số / Hoàng Hữu Việt, Nghệ An : Đại học Vinh, 2004.

TLS

[3] Võ Đức Khánh, *Giáo trình xử lý ảnh*, NXB ĐHQG TPHCM, 2008. **Không có**

27. Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh

(tiếng Anh): **Ho Chi Minh Thought**

- Mã số học phần: POL10002

6.1. Giáo trình:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dùng cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. **GT.043452 – 78, TLS**

[2]. Hồ Chí Minh, Toàn tập (15 tập) NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội - 2011 (*Hồ Chí Minh toàn tập*, đĩa CDROM 15 tập, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2015). **Thư viện có**

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Phạm Văn Đồng, “Hồ Chí Minh – Tinh hoa và khí phách của dân tộc”, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012. **Không có**
- [2]. Hoàng Chí Bảo, “Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011. **Không có**
- [3]. Trang web: <http://hochiminh.vn>

28. Tên học phần (tiếng Việt): Đánh giá trong dạy học Tin học

(tiếng Anh): Evaluation in teaching Informatics;

- Mã học phần: INF30021

Giáo trình:

[1] Nguyễn Công Khanh- Đào Thị Oanh (2012), Giáo trình *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. **GT.040470 – 79, TLS (năm 2016)**

[2] Trần Thị Tuyết Oanh (2012), *Đánh giá kết quả học tập*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. **Không có**

Tài liệu tham khảo:

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học*, Hà Nội. **Không có**

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực của học sinh (Môn Tin học cấp THPT)*, Hà Nội. **Không có**

[5] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

GD.004132 – 41 9 (năm 2022)

[6] Phan Lê Na (2019), Bài giảng *Đánh giá trong dạy học Tin học*, Tài liệu nội bộ. **Không có**

[7] Nguyễn Thị Lan Phương-Đặng Xuân Cương (2015), *Xây dựng công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề ở trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 113. **Không có**

[8] Lâm Quang Thiệp (2012), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. **TLS**

[9] Sách giáo khoa, Lớp 10, 11, 12. **Không có**

29. Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành PPDH Tin học và thực tế phổ thông

(tiếng Anh): Practice of teaching methods for informatic and high school

- Mã số học phần: INF30098

6.1. Giáo trình:

[1] Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường, *Lý luận dạy học hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2018. **GD.004132 – 41 (năm 202) Trùng**

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học (2018)*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018. **Trùng**

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo - Chương trình ETEP, Tài liệu Mô đun 2: *Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Tin học*. **Trùng**

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo - Chương trình ETEP, Tài liệu Mô đun 4: *Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Tin học*.

Trùng

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới - những vấn đề chung (2018)*. **Trùng**

[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới - các môn học và hoạt động giáo dục (2018)*. **Trùng**

[7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020*.

[6] *Sách giáo khoa, Sách chuyên đề Tin học THPT*. **Trùng**

30. Tên học phần (tiếng Việt): Phân tích và thiết kế thuật toán

(tiếng Anh): Design and Analysis of Algorithms

- Mã số học phần: INF30079

a. Tài liệu chính

[1] Lê Minh Hoàng, *Giải thuật và Lập trình*, ĐH Sư Phạm Hà Nội, Ebook, 2002. **TLS**

[3] Ngọc Anh Thư (chủ biên), *Giáo trình thuật toán*, NXB Thống kê, 2001. **Không có**

b. Tài liệu tham khảo:

[4] Hồ Sĩ Đàm (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Lê Minh Hoàng, Nguyễn Thanh Hùng, *Tài liệu giáo khoa Chuyên Tin – quyển 1*, NXB GD Việt Nam, 2009. **Không có**

[6] Robert Sedgewick, *Cẩm nang Thuật Toán*, NXB KHKT, 1995. **Không có**

31. Tên học phần (tiếng Việt): Toán rời rạc

(tiếng Anh): Discrete Mathematics

- Mã học phần: INF20007

[1]. Kenneth Rosen (Tác giả), Đặng Hữu Thịnh, Phạm Văn Thiều (Biên dịch), *Toán Rời Rạc Ứng Dụng Trong Tin Học*, NXB Giáo dục, 2007. **TIN.001578 – 87, TLS: Tg: Đỗ Đức Giáo, Năm 2014**

[2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành, *Giáo trình Toán Rời Rạc*, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội -2009. **Không có**

[3]. Kenneth Rosen, *Discrete Mathematics and Its Applications*, Publisher: McGraw-Hill Education, 2018. **MN.015458 (năm 1999)**

32. Tên học phần (tiếng Việt): Lập trình cho thiết bị di động
(tiếng Anh): Mobile Application Development

- Mã số học phần: INF30049

- Tài liệu chính

[1] *Lập trình Android cơ bản*, Ebook, Đại học FPT, 2014. **Không có**

[2] <https://developer.android.com/guide>

- Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Hoàng Sơn (*chủ biên*), Nguyễn Thọ Thông, *Giáo trình lập trình Android*, NXB Xây dựng, 2017. **Không có**

[2] Dawn Griffiths & David Griffiths, *Head First Android Development: A Brain-Friendly Guide*, 2th Edition, 2017. **Không có**

33. Tên học phần (tiếng Việt): Lập trình cho Robot giáo dục
(tiếng Anh): Programming for education Robot

- Mã số học phần: INF30229

7.1. Tài liệu chính

[1]. Trần Thế San, Nguyễn Tiến Dũng, *Cơ sở nghiên cứu và sáng tạo robot*, NXB Thống kê TP. HCM, 2003. **VL.004428 - 35**

7.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Trường Thịnh, *Giáo trình kỹ thuật Robot*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2014. **Không có**

[3]. Peter Corke, *Robotics, Vision & Control*, 2nd edition, Springer, 2011. **Không có**

[4]. Ales Ude (Editor), *Robot Vision*, IntechOpen, 2010. **Không có**

[5]. Jamis Buck, *Mazes for Programmers: Code Your Own Twisty Little Passages*, 1st edition, Pragmatic Bookshelf, 2015. **Không có**

34. Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển ứng dụng với Java
(tiếng Anh): Java Application development

- Mã số học phần: INF20016

Giáo trình:

[1]. Y. Daniel Liang, *Introduction to Java Programming and Data Structures, Comprehensive Version, 11th Edition*, Pearson, 2018. **Không có**

[2]. Trần Văn Ban, *Lập trình hướng đối tượng với Java*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2005. **TLS**

Tài liệu tham khảo:

[3]. Herbert Schildt, *Java™ A Beginner's Guide Sixth Edition*, McGraw-Hill education, 2014.

TIN.000005 – 06 (năm 2019)

**35. Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở
(tiếng Anh): Open source software**

- Mã số học phần: INF30305

6.1. Giáo trình:

[1] Ellen Siever, Stephen Spainbour, Stephen Figgins, *Linux in a nutshell*, Oreill, 2013

Không có

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] TS. Phạm Nguyên Khang, TS. Đỗ Thanh Nghị, *Linux và phần mềm nguồn mở*, Nhà xuất bản đại học Cần Thơ, 2015. **Không có**

[3]. Douglas E. Phillips, *The Software License Unveiled*, Oxford, 2019 **Không có**

**36. Tên học phần (tiếng Việt): Công nghệ phần mềm
(tiếng Anh): Software Engineering**

- Mã số học phần: INF31034

Giáo trình:

[1]. Roger S. Pressman, Bruce Maxim, *Software Engineering: A practitioner's Approach*, McGraw-Hill Education, 2015. **VE.000561 (năm 1987)**

Tài liệu tham khảo:

[2]. Ian Sommerville, *Software Engineering*, Ninth Edition, Addison-Wesley, 2011.

Không có

[3]. Lê Văn Phụng, Lê Hương Giang, *Kỹ nghệ phần mềm nâng cao*, NXB Thông tin và truyền thông, 2015. **TIN.001049 - 58**

**37. Tên học phần (tiếng Việt): Hệ điều hành
(tiếng Anh): Operating System**

- Mã số học phần:

7.1. Tài liệu chính

[1]. Từ Minh Phương, *Giáo trình Hệ điều hành*, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, NXB Thông tin và Truyền thông, 2016. **GT.033062 – 71, TLS**

7.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Abraham Silberschatz, Peter Baer Galvin, Greg Gagne, *Opearating System Concepts*, 8th Edition, Wiley, 2018. **NN.000738**

38. Tên học phần (tiếng Việt): Lập trình Web
(tiếng Anh): Web programming

- Mã số học phần: INF21110

6.1. Giáo trình

[1] Terry Felke-Morris, *Web Development and Design Foundations with HTML5*, 9th Edition, Pearson, 2018. **NN.000745 (Năm 2019)**

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Jessica Minnick, *Web Design with HTML5 & CSS3 - Comprehensive*, 8th Edition, Cengage Learning, 2017. **Không có**

[3]. Jon Duckett, *Javascript & JQuery: Interactive Front-End Web Development*, Wiley, 2014. **Không có**

[4]. Dan Rose, *Responsive Web Design with Adobe Photoshop*, Adobe Press, 2015.

Không có

[5]. Benjamin Jakobus, Jason Marah, *Mastering Bootstrap 4*, Packt Publishing, 2016.

Không có

39. Tên học phần (tiếng Việt): Trí tuệ nhân tạo
(tiếng Anh): Artificial Intelligence

- Mã số học phần:

Tài liệu chính:

[1] Stuart Russell, Peter Norvig. *Artificial Intelligence: A modern approach*. 3rd ed. Prentice Hall, 2009. **TLS (năm 1995)**

[2] Nguyễn Thanh Thủy, *Trí tuệ nhân tạo - Các phương pháp giải quyết vấn đề và kỹ thuật xử lý tri thức*, Nhà xuất bản giáo dục, 1999. **Không có**

Tài liệu tham khảo:

[3] Richard O.Duda, Peter E. Hart, David G.Stock. *Pattern Classification*, 2nd, Wiley, 2001. **TLS**

[4] Martin T. Hagan, Howard B. Demuth, Mark Hudson Beale, Orlando De Jes. *Neural Network Design*, 2nd, 2009. **TLS**

[5] *Deep Learning with Python*, FRANCOIS CHOLLET, Manning, 2018. **TLS**

40. Tên học phần (tiếng Việt): Các công nghệ dạy học (tiếng Anh): Teaching technologies
- Mã số học phần: INF30095
Tài liệu học tập [1] Đặng Thành Hưng, <i>Dạy học hiện đại</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001 TLS (năm 2002) Tài liệu tham khảo: [2] Tôn Quang Cường, <i>Thiết kế dạy học theo qui trình tiếp cận chuẩn quốc tế</i> , Tài liệu tập huấn giáo viên trường THPT chuyên, Bộ GD-ĐT, 2010. Không có [3] Nguyễn Đức Chính, <i>Qui trình dạy học tiếp cận chuẩn quốc tế</i> , Tài liệu tập huấn giáo viên trường THPT chuyên, Bộ GD-ĐT, 2010. Không có [4] Tập bài giảng “Phương pháp và công nghệ dạy học”, Khoa Sư phạm, Đại học Giáo dục, 2011 Không có
41. Tên học phần (tiếng Việt): Dạy học lập trình trong môi trường phổ thông (tiếng Anh): Teaching programming in a general education environment
- Mã số học phần: INF30096
7.1. Giáo trình: [1] Nguyễn Công Nhật, Trần Xuân Hào, Trần Thị Kim Oanh, <i>Giáo trình Ngôn ngữ lập trình Python</i> , NXB Đại học Vinh, 2024. TLS 7.2. Tài liệu tham khảo: [2] Trần Nhật Quang, Phạm Văn Khoa, <i>Giáo trình lập trình Python căn bản</i> , NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2023. TLS [3] Rupesh Nasre, <i>Python Programming</i> , All India Council for Technical Education (AICTE), 2022. TLS [4] Luciano Ramalho, <i>Fluent Python</i> , O'Reilly Media, 2015. TLS
42. Tên học phần (tiếng Việt): Dạy học lập trình trong môi trường trò chơi (tiếng Anh): Teaching programming in the game environment
- Mã số học phần: INF20002
[1] Bùi Việt Hà, <i>Tự học Scratch</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. TIN.000054 – 56 (năm 2020) [2] Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học, Hà Nội, 2018. Không có [3] Bùi Việt Hà, <i>20 bài tập lập trình Scratch (Volume 1-5)</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Vol. 1: TIN.000060 – 64 (2020)

- [4] Nguyễn Đức Hồ, *Phát triển năng lực kỹ thuật trong dạy học thực hành kỹ thuật*, Tạp chí Giáo dục, Số 254, Kỳ 2 tháng 1, trang 23-24, 2011. **Không có**
- [5] Phan Lê Na, Phan Thị Bích Trâm, Nguyễn Bùi Hậu, *Dạy học lập trình cho học sinh Tiểu học theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 231 Kỳ 2 tháng 12 năm 2020 (Giấy nhận đăng 22/12/2020). **Không có**
- [6] Majed Marji, *Learn to Program with Scratch: A Visual Introduction to Programming with Games, Art, Science, and Math*, Publisher(s): No Starch Press, ISBN: 9781593275433, 2014. **Không có**

42. Tên học phần (tiếng Việt): Elearning
(tiếng Anh): Elearning

- Mã số học phần: INF20006

Tài liệu chính

[1] Đỗ Mạnh Cường, *Ứng dụng CNTT trong dạy học*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2008 **GT.011974 - 80**

[2] Epignosis LLC, *E-learning: Concepts, trends, applications*, ebook, 2014.

Không có

Tài liệu tham khảo

[3] Adobe Systems Incorporated, *Adobe Presenter 8*, 2012 **Không có**

[4] Công ty Cổ phần Mạng giáo dục Bạch Kim, *Hướng dẫn sử dụng Violet*, 2011

Không có

43. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và đồ án tốt nghiệp
(tiếng Anh): Pedagogical internship and final project

- Mã số học phần:

6.1. Giáo trình:

[1] Phạm Trung Thanh (chủ biên), Nguyễn Thị Lí, *Giáo trình thực tập sư phạm năm thứ ba*, NXB Đại học sư phạm, 2007. **Không có**

[2] Vũ Cao Đàm, *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015 **GT.053225 – 34 (năm 2024)**

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 và Chương trình các môn học*, Ban hành kèm theo Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. **Không có**

[4] Lê Văn Lũy, Lê Quang Sơn, *Giáo trình Giao tiếp Sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, 2014.

GT.023096 - 100

[5]. [Tên nhóm tác giả], *Sách giá khoa môn [tên môn]*, NXB...

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thị Kim Oanh